

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,39ha) tại mỏ 143, xã Xuân An, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tường Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, được sửa đổi, bổ sung Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản số 5631/SNNMT-BVMT ngày 26/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,39ha) tại mỏ 143, xã Xuân An, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tường Long;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,39ha) tại mỏ 143, xã Xuân An, tỉnh Gia Lai đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 8/CV-TL ngày 8/01/2026 của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tường Long;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 46/TTr-SNNMT ngày 12/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,39ha) thực hiện tại mỏ 143, xã Xuân An, tỉnh Gia Lai của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tường

Long (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở NN&MT;
- CVP, PVP NN;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND xã Xuân An;
- Chủ dự án;
- Lưu: VT, N_{1,4}, T₆. 



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 2,39HA) TẠI MỎ 143, XÃ XUÂN AN, TỈNH GIA LAI CỦA CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TƯỜNG LONG.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai).

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 2,39ha) (say đây gọi là Chủ dự án).
- Địa điểm thực hiện: tại mỏ 143, xã Xuân An, tỉnh Gia Lai.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tường Long.
- Địa chỉ liên hệ: Thôn Phú Gia, xã Xuân An, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: 0979.479 122.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 2,39ha.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác theo Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của UBND tỉnh Bình Định (cũ) là 298.912m³ đất địa chất; trong đó, trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác là 228.799m³ đất địa chất. Thời hạn khai thác 03 năm với công suất khai thác hàng năm cụ thể như sau:

- + Năm thứ 1: 68.979m³ đất địa chất/năm.
- + Năm thứ 2: 80.000m³ đất địa chất/năm.
- + Năm thứ 3: 80.000m³ đất địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

- Trình tự khai thác: Khu vực phê duyệt trữ lượng có diện tích 2,39 ha, khai thác theo lớp bằng, vừa khai thác vừa mở rộng khai trường đến cao độ +29m. Thực hiện khai thác, san gạt và trồng cây phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.
- Phương pháp khai thác: Vị trí mở vỉa đầu tiên tại phần diện tích có cao độ +60m phía Đông Bắc mỏ, thực hiện khai thác theo hướng từ trên xuống dưới. Kết

thúc khai thác, địa hình mở thoải dần từ độ cao +52m đến +29m theo hướng từ Đông Bắc sang Tây Nam. Sử dụng máy đào dung tích gầu 1,25m³ để khai thác và xe 15 tấn để vận chuyển đất đến công trình. Xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường:

+ 01 hồ giảm tốc phía Nam.

+ Hệ thống mương thu gom nước mưa: xung quanh mỏ (phía phía Tây, phía Nam và phía Đông) có tổng chiều dài 203m; mương dọc hai bên tuyến đường vận chuyển nội bộ mỏ có tổng chiều dài 620m.

- Tuyến đường tạm trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) có chiều dài khoảng 310m.

- Mương rửa kết hợp vòi xịt rửa bánh xe chở đất ra khỏi mỏ, kích thước: dài 4,0m x rộng 3,0m x sâu 0,5m.

- Khu vực phụ trợ phía Nam (nằm trong ranh giới mỏ), diện tích khoảng 400m²: bố trí khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác; nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 0,16 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 9.346m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận

nước mưa chảy tràn là 8,87ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 6 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ có tổng chiều dài khoảng 203m (kích thước: Rộng 2,0m x Sâu 1,0m); mương thu gom nước mưa chảy tràn hai bên tuyến đường nội bộ mỏ có chiều dài 610m (kích thước: Rộng 0,5m x Sâu 0,5m). Các mương có kết cấu là mương đất hõ, được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc phía Nam mỏ đất (tọa độ X=1.546.917; Y=560.013), thể tích khoảng 1.410m³ (diện tích 470m², sâu 3m). Kết cấu hồ đào được gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía trên mặt bằng khu mỏ → mương thu nước phía Tây, phía Nam và phía Đông → hồ giảm tốc phía Nam mỏ (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → Cống thoát nước sau hồ giảm tốc → Suối cạn phía Nam dự án.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông và mương dọc hai bên đường nội bộ → cống ngầm qua đường → mương thu gom phía Tây và phía Nam → hồ giảm tốc phía Nam mỏ (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → Cống thoát nước sau

hố giảm tốc → Suối cạn phía Nam dự án.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, thực hiện giải pháp phun xịt nước, gạt đất bánh xe trước khi ra ngoài và che chắn, không để rơi vãi đất trong quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện san gạt, cải tạo, phục hồi môi trường theo kiểu cuốn chiếu cụ thể như sau: Năm thứ 2 trồng cây diện tích 0,9874ha và năm thứ 3 trồng cây với diện tích còn lại là 1,4026 ha, các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai thác				
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	2	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	2.151	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Bắc và Nam thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây.	Thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, khai thác đến đâu tiến hành san gạt đến đó.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
3.	San lấp mương thu gom nước mưa và hố giảm tốc	m ³	1.997,6	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau khi kết thúc khai thác
4.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	40		
5.	Tháo dỡ cống thoát nước có đường kính Ø1500mm	tấn	27,06		
6.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	ha	2,39	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác.
7.	Gia cố suối cạn trong phạm vi dự án	m ³	78	Đảm bảo tiêu thoát nước bên trong khu vực dự án	Thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, khai thác đến đâu tiến hành gia cố đến đó.
8.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	2,39	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng
II	Khu vực bên ngoài dự án				
9.	Lắp đặt cống thoát nước có đường kính Ø800mm với tổng chiều dài 100m	Cống	40	Đảm bảo tiêu thoát nước bên trong khu vực dự án khi kết thúc khai thác	Sau khi kết thúc khai thác.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **656.399.000 đồng** (Sáu trăm năm mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn đồng chẵn).

- Số lần ký quỹ: 03 lần, thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 164.100.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Các lần còn lại, số tiền: 246.150.000 đồng/lần, thời điểm ký quỹ: thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Gia Lai, 387 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2026.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc và mương thoát nước mưa, cống thoát nước đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực. Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sa bồi, sạt lở, ảnh hưởng đến khu vực phía hạ lưu, chủ dự án phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

- Khi kết thúc dự án, địa hình phía Nam mỏ có một phần diện tích có địa hình +29m, thấp hơn khu vực hiện trạng liền kề bên ngoài khoảng 8m (cost hiện trạng bên ngoài khu vực khai thác là +37m) nên để đảm bảo thoát nước, lắp đặt cống (đường kính D800 mm, dài 100m) với độ sâu lắp cống thấp hơn cost kết thúc khai thác (khoảng +28m) nối từ ranh dự án ra suối hiện trạng, điểm kết nối từ cống ra suối hiện trạng có tọa độ: X = 1.546.788; Y = 596.038.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không./.